

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146 /2020/KDTM - PT
Ngày: 20/8/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Tuyết Băng
Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Bình
Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Ninh Việt Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phan Hồng Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15, 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 172/2020/KTPT ngày 15/6/2020 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 46/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 426/2020/QĐ-PT ngày 04/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 444/2020/QĐ-PT ngày 12/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A;

Trụ sở: Số 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Đức H.

(Có mặt).

- Bị đơn: Công ty CP B

Trụ sở: Số 15/318 đường Ngọc Thụy, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị H – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty.

(Có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1971;
2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1969;
3. Chị Hoàng Hà T, sinh năm 1997;
4. Anh Hoàng Thanh T, sinh năm 2002.

Chị Hoàng Hà T do ông Hoàng Văn T là đại diện theo ủy quyền.

Cùng trú tại: thôn Đồng Xuyên, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

(Ông T, bà H, anh T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn – Ngân hàng TMCP A trình bày:***

Ngày 30/07/2012 Công ty cổ phần B và Ngân hàng thương mại cổ phần A (trước đây là Ngân hàng Liên doanh Lào Việt) ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 9972-5383/2012/HĐTD với nội dung Ngân hàng cho Công ty cổ phần A Nông nghiệp B vay số tiền 800.000.000 đồng; Ngày 09/08/2012, Công ty cổ phần B và Ngân hàng thương mại cổ phần A (trước đây là Ngân hàng Liên doanh Lào Việt) đã ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 10000/5383/2012/HĐTD với nội dung ngân hàng cho Công ty cổ phần B vay số tiền 800.000.000 đồng. Mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh; Lãi suất cho vay là: 15,5%/năm; Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất đang áp dụng cho vay trong hạn.

* Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Toàn bộ quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Thôn Đồng Xuyên, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 125614, số vào sổ cấp GCN: CH00138/777/QĐ-UBND do UBND huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/03/2012 mang tên ông Hoàng Văn T và bà Lê Thị H. Theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 015902/2012, quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 20/07/. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng tài nguyên môi trường huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội ngày 26/07/2012.

Dư nợ tạm tính của Công ty cổ phần B đến ngày 31/03/2019 nợ gốc là 1.600.000.000 đồng; Nợ lãi là 1.567.244.442 đồng.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc Công ty cổ phần B phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP A chi nhánh Chương Dương tổng số nợ (tạm tính đến ngày 31/03/2019) là: 3.167.244.442 VND, trong đó: nợ gốc là: 1.600.000.000 VND, nợ lãi là: 1.567.244.442 VND và số tiền nợ lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Kể từ ngày bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà Công ty cổ phần B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án hoặc Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý toàn bộ quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 33(2), tờ bản đồ số 13, diện tích sử dụng 125m², tại địa chỉ Thôn Đồng Xuyên, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận QSD đất QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 125614, sổ vào sổ cấp GCN: CH00138/777/QĐ-UBND do UBND huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/03/2012 mang tên ông Hoàng Văn T và bà Lê Thị H.

Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết toàn bộ dư nợ thì Công ty cổ phần B vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn cũng như những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến Tòa nhưng không hợp tác. Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên không có lời khai.

Tại Bản án sơ thẩm số 46/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Long Biên đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

- Xác nhận: Tính đến ngày 29/11/2019 Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển B còn nợ Ngân hàng TMCP A tổng số tiền là: 3.483.533.332 VND đồng. Trong đó tiền gốc là: 1.600.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.230.788.888 VND và lãi quá hạn là : 652.744.444 đồng.

- Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển B phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A toàn bộ khoản nợ trên.

Trong trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư-Phát triển B không trả được nợ cho Ngân hàng TMCP A, thì Ngân hàng TMCP A có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản bảo đảm là: toàn bộ quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 33(2), tờ bản đồ số 13, diện tích sử dụng 125m², tại địa chỉ Thôn Đồng Xuyên, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng

nhận QSD đất QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 125614, số vào sổ cấp GCN: CH00138/777/QĐ-UBND do UBND huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/03/2012. Chủ sở hữu/sử dụng là ông Hoàng Văn T và bà Lê Thị H theo hợp đồng thế chấp chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác ngày 20/7/2012 tại văn phòng Công chứng Hùng Vương.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, chị Hoàng Hà T và anh Hoàng Thanh T kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, chị Trang và anh Tùng giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo. Các đương sự xác nhận ngoài các tài liệu chứng cứ đã xuất trình cho Tòa án thì không còn tài liệu chứng cứ nào khác để xuất trình cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích nội dung vụ án Viện kiểm sát trình bày quan điểm: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xét thấy có cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Trang, anh Tùng. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Tùng, chị Trang. Về án phí các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của chị Hoàng Hà T và anh Hoàng Thanh T làm trong thời hạn luật định và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, anh Hoàng Thanh T đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không xác định ông Hoàng Văn T (bố đẻ anh Tùng) là người đại diện theo pháp luật của anh Tùng.

Về tư cách người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần B: Xét yêu cầu kháng cáo của anh Tùng, chị Trang cho rằng bà Lê Thị H (là mẹ anh Tùng, chị Trang và là vợ ông Tân) không có quan hệ gì với Công ty B, cũng không có quan hệ vay mượn đối với Ngân hàng. Việc bà Hồng là đại diện theo pháp luật của Công ty B là do ông bà thiếu hiểu biết và bị lừa dối. Xét thấy, quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh Tùng, chị Trang không đưa ra được các chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty cổ phần B, thì Công ty Cổ phần B đăng ký thay đổi lần 02 và Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư, thành phố Hà Nội thể hiện bà Lê Thị H là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần B, do đó có cơ sở để xác định bà Lê Thị H là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần B, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Hoàng Thanh T và chị Hoàng Hà T.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu kháng cáo của anh Tùng, chị Trang Hội đồng xét xử xét thấy:

-Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 9972-5383/2012/HĐTD ngày 30/7/2012 và Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 10000/5383/2012/HĐTD ngày 09/8/2012 và các Bảng kê rút vốn (kiêm khế ước nhận nợ) ký kết giữa Ngân hàng liên doanh Lào Việt- Chi nhánh Hà Nội (Nay là Ngân hàng thương mại cổ phần A) và Công ty cổ phần B được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, về hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên phát sinh hiệu lực pháp luật đối với các bên.

Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện sau khi ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp, thì Ngân hàng liên doanh Lào Việt- Chi nhánh Hà Nội (Nay là Ngân hàng thương mại cổ phần A) đã giải ngân theo đề nghị của Công ty cổ phần B bằng chuyển khoản cho Công ty với tổng số tiền là 1.600.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty cổ phần B mới thanh toán trả cho Ngân hàng được 36.166.667 đồng tiền lãi, ngoài ra Công ty không thanh toán trả cho Ngân hàng một khoản tiền nào khác.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán trả cho Nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi theo đề nghị của Nguyên đơn là phù hợp với điều 91 Luật tổ chức tín dụng và các thỏa thuận về lãi suất trong các hợp đồng tín dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Qua kiểm tra hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, bảng kê tính lãi Tòa án cấp phúc thẩm thấy Ngân hàng đã tính đúng.

Tính đến ngày 29/11/2019 (là ngày xét xử sơ thẩm) Công ty cổ phần B còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn, cụ thể là:

+ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 9972-5383/2012/HĐTD ngày 30/7/2012 tổng số tiền nợ là: 1.745.116.666 đồng trong đó:

+ Nợ gốc: 800.000.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 616.944.444 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 328.172.222 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 10000/5383/2012/HĐTD ngày 09/8/2012 tổng số tiền nợ là: 1.738.416.666 đồng trong đó:

+ Nợ gốc: 800.000.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 613.844.444 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 324.572.222 đồng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 33 (2) tờ bản đồ số 13, tại địa chỉ Thôn Đồng Xuyên, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 125614, số vào sổ cấp GCN: CH00138/777/QĐ-UBND do UBND huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/03/2012 mang tên ông Hoàng Văn T và bà Lê Thị H, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 015902/2012, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 20/07/2012 của văn phòng công chứng Hồ Gươm, Hà Nội.

Quá trình giải quyết vụ án ông T, bà H cho rằng ông bà bị Công ty cổ phần B lừa, nên ông bà mới ký các văn bản, tuy nhiên ông Tân, bà Hồng không xuất trình được các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Tại phiên tòa ông Tân, bà Hồng xác nhận việc ông bà ký kết hợp đồng là tự nguyện, không bị ai ép buộc, sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xử ông bà không có đơn kháng cáo. Xét thấy, Hợp đồng thế chấp này được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, về hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hợp đồng phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Trường hợp Công ty cổ phần B không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần A, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ.

Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, sinh sống, sinh hoạt dưới mọi hình thức trên các tài sản thế chấp có nghĩa vụ chuyển đi nơi khác để thi hành án.

Trường hợp số tiền xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết toàn bộ khoản nợ thì Công ty cổ phần B vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP A.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Tùng, chị Trang.

Đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ nên được chấp nhận.

Tuy nhiên, theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì người kháng cáo phải nộp 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ yêu cầu người kháng cáo nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm là chưa phù hợp với quy định của pháp luật, cần rút kinh nghiệm.

[3] Về án phí:: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Hoàng Thanh T, chị Hoàng Hà T phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, 220, khoản 2 Điều 296 và khoản 1 Điều 308; Điều 314 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 302,305,342,344,351,471,476,478,715,721 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng Điều 91 và Điều 98 Luật tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị quyết số 326/ NQ – QH ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 46/2019/KDTM-ST ngày 29/11/ 2019 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A đối với Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển Nông nghiệp B.

2. Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển Nông nghiệp B phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng ngắn

hạn số 9972-5383/2012/HĐTD ngày 30/7/2012, Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 10000/5383/2012/HĐTD ngày 09/8/2012, tạm tính đến ngày 29/11/2019 tổng số tiền là: 3.483.533.332 đồng*(ba tỷ bốn trăm tám mươi ba triệu năm trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi hai đồng)*, Cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 9972-5383/2012/HĐTD ngày 30/7/2012 tổng số tiền nợ là: 1.745.116.666 đồng trong đó:

+ Nợ gốc: 800.000.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 616.944.444 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 328.172.222 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 10000/5383/2012/HĐTD ngày 09/8/2012 tổng số tiền nợ là: 1.738.416.666 đồng trong đó:

+ Nợ gốc: 800.000.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 613.844.444 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 324.572.222 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/11/2019) Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển Nông nghiệp B còn phải tiếp tục trả nợ lãi trên số dư nợ gốc cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư phát triển Việt Nam theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc trên.

3.Trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển Nông nghiệp B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư phát triển Việt Nam, thì Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư phát triển Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 33 (2) tờ bản đồ số 13, tại địa chỉ Thôn Đồng Xuyên, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 125614, số vào sổ cấp GCN: CH00138/777/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/03/2012 mang tên ông Hoàng Văn T và bà Lê Thị H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 015902/2012, quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 20/07/2012 của văn phòng công chứng Hồ Gươm, Hà Nội.

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển Nông nghiệp B phải chịu 101.670.666 đồng (Một trăm lẻ một triệu sáu trăm bảy mươi nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP A tiền tạm ứng án phí là 39.760.000 đồng (Ba mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai số

AA/2018/0001983 ngày 19/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, Hà Nội.

- Án phí phúc thẩm:

Chị Hoàng Hà T, anh Hoàng Thanh T mỗi người phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, anh chị mỗi người đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0015903 và số 0015902 ngày 13/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Chị Trang, anh Tùng mỗi người còn phải nộp 1.700.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 20/8/2020.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Lê Thanh Bình. Nguyễn Thị Thúy Hạnh

Ngô Tuyết Băng

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ND TP Hà Nội;
- TAND quận Long Biên;
- Chi Cục THADS quận Long Biên;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGÔ TUYẾT BĂNG